

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa:

* *Người yêu cầu:* **1. Ông Nguyễn Văn L**, sinh năm 1991

2. Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1991

Cùng trú tại: Số 10 A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị Kiều D *(Do chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kiều D nên Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2014, quyển số I/2013 do Ủy ban nhân dân phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 2014 không còn giá trị pháp lý).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị Kiều D thống nhất thuận tình ly hôn.

* **Về quan hệ con chung:** ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị Kiều D thống nhất thỏa thuận giao con Nguyễn Gia H, sinh ngày 31/01/2015 cho bà Nguyễn Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Văn L có nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ tháng 5/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về quan hệ tài sản chung:** Không có.

*** Về quan hệ nợ chung:** Không có.

3. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Lệ phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kiều D phải chịu mỗi người 150.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng theo biên lai số 008614 ngày 28/3/2018.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

HỒ THỊ MỸ DUNG